TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 02 - 2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 288/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị G, sinh ngày 08/08/1984; chỗ ở hiện nay: Ấp 1 tổ 2 Tóc Tiên, thị xã PM, tỉnh BR-VT; vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn T, sinh ngày 23/12/1978; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 9, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày: Chị Phạm Thị G và anh Hồ Văn T kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2018, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và sinh sống ở đó đến nay không về. Vợ chồng cũng không liên lạc với nhau. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Phạm Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hồ Văn T.

Về con chung: Chị Phạm Thị G và anh Hồ Văn T có một con chung là Hồ Phạm Ái P, sinh ngày 08/7/2015. Hiện nay, cháu P đang sống với chị G. Khi ly hôn, chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Văn T: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Hồ Văn T vắng mặt. Chị Phạm Thị G không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh T cư trú, chị chỉ biết anh T đang sinh sống tại Đài Loan. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua bà Lưu Thị B (là mẹ đẻ của anh T), tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu bà Lưu Thị B cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, bà Lưu Thị B cho biết thời gian ở nước ngoài, anh T thỉnh thoảng liên lạc về với bà nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể của anh mà chỉ biết hiện nay anh đang sinh sống tại Đài Loan. Anh T đã biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị G với anh. Đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh T liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Cháu Hồ Phạm Ái P trình bày: Cháu là con bố Hồ Văn T và mẹ Phạm Thị G. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Hồ Văn T đã được mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Phạm Thị G xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Phạm Thị G và anh Hồ Văn T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An vào năm 2015, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị G và anh T không liên lạc với nhau từ khi anh T đi xuất khẩu lao động từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị G được ly hôn anh Hồ Văn T. Về con chung: Đề nghị giao con chung là Hồ Phạm Ái P cho chị Phạm Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Hồ Văn T không phải đóng góp phí tổn nuôi con do chị G không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu nên không xem xét; chị Phạm Thị G và anh Hồ Văn T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn chị Phạm Thị G và bị đơn anh Hồ Văn T; trong đó chị G đều có hộ khẩu thường trú tại xóm 9, xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An; bị đơn anh Hồ Văn T đã xuất cảnh qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất lần cuối là ngày 06/08/2018 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hồ Văn T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại bà Lưu Thị B (là mẹ đẻ của anh T), địa chỉ: Xóm Trung Thắng (trước đây là xóm 9), xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An yêu cầu bà cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị G và anh T. Tuy nhiên, bà Lưu Thị B cho biết anh T đang sinh sống tại Đài Loan. Bà không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh T do anh T không cho bà biết; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh T liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh T trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G và anh Hồ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện NL, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, tháng 8/2018, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng không liên lạc với nhau từ đó đến nay. Nay chị G không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị Phạm Thị G được ly hôn anh Hồ Văn T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Phạm Thị G và anh Hồ Văn T có một con chung là Hồ Phạm Ái P, sinh ngày 08/7/2015. Hiện nay, cháu P đang sống cùng chị G. Khi ly hôn, chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Xét chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Cháu Hồ Phạm Ái P sống với chị G từ nhỏ, nay cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh T đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, cần giao con chung Hồ Phạm Ái P cho chị Phạm Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của chị G là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị G, anh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị G được ly hôn anh Hồ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Hồ Phạm Ái P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2015 cho chị Phạm Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hồ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Phạm Thị G và anh Hồ Văn T có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012180 ngày 10/10/2022.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã NT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn